TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2022.
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị O và anh T1* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Nguyễn Ngọc Sơn.
2. Nguyễn Thành Công Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị O, sinh năm 1983.
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 50 đường T2, khu phố 1, thị trấn T3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Lê Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hồng T1 sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T3, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số I/2004 ngày 04/11/2004. Thời gian vợ chồng sống hòa thuận, sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nhiều lần tranh cãi, hai người hiện không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh T3.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Lan A2, sinh ngày 12/4/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị giao cả hai con cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Hồng T1 vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị O.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị O và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị O xin giải quyết cho ly hôn với anh T1, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị O được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Giao cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Lan A2, sinh ngày 12/4/2012. Chị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Lê Thị O khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Hồng T1 và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Nguyễn Hồng T1 có địa chỉ cư trú tại: Số 50 đường T2, khu phố 1, thị trấn T3, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Lê Thị O có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Nguyễn Hồng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị O và anh Nguyễn Hồng T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T3 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số I/2004 ngày 04/11/2004. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa chị O và anh T1 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị O trình bày nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, hai người không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T1.

Quá trình giải quyết, anh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị O.

Xét thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên, chị O thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không còn sống chung, anh T1 cũng không có ý kiến gì. Các con chung cũng thừa nhận cha mẹ hay cãi vã. Biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị O và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị O và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Lan A2, sinh ngày 12/4/2012, các cháu đều đang sống cùng anh T1. Khi ly hôn, chị O đề nghị giao con cho anh T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản trình bày ý kiến, các cháu Vân A1, Lan A2 nguyện vọng sống cùng cha và không yêu cầu mẹ cấp dưỡng. Địa phương nơi các cháu sinh sống cũng xác nhận các cháu đang sống cùng cha và được nuôi dạy tốt. Xét ý kiến của chị O, nguyện vọng của các con chung, ý kiến của địa phương và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận nguyện vọng của chị O, giao cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Vân A1, Nguyễn Thị Lan A2. Các con chung không yêu cầu và chị O cũng có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Lê Thị O và anh Nguyễn Hồng T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị O, cụ thể:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị O và anh Nguyễn Hồng T1.

- *Về nuôi con chung:* Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Vân A1, sinh ngày 11/10/2005 và Nguyễn Thị Lan A2, sinh ngày 12/4/2012 cho anh Nguyễn Hồng T1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lê Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Lê Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003125 ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Chị Lê Thị O đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Lê Thị O và Bị đơn – anh Nguyễn Hồng T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND TT T3, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung